TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2020.
V/v: *"Xin ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hải – Cán bộ hưu trí thị trấn Chí Thạnh.
2. ông Phan Tính – Bí thư đoàn thanh niên xã An Định.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, về việc: " Xin ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án hôn nhân gia đình số: 03/2020/ TB- TA ngày 3/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Hoài N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn L, xã B, Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2.Bị đơn: Anh Lê Trọng Hoàng K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2019 và lời trình bày của nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài N tại phiên tòa:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, tôi có tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với anh Lê Trọng Hoàng K, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2012 trên cơ sở tự

nguyện. Qúa trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K không lo làm ăn, hay ăn nhậu, cờ bạc, dẫn đến nợ nần và sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Toà án cho tôi được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Đặng Hoàng K– sinh ngày 29/5/2013 và Lê Đặng Bảo T – sinh ngày 06/10/2016 lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con K và T, đồng thời yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng x 2 cháu = 3.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Bị đơn anh Lê Trọng Hoàng K trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian tìm hiểu, kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày và yêu cầu là đúng, tuy nhiên việc mâu thuẫn xảy ra là cũng do một phần có lần chị N ban đêm gọi điện thoại nói chuyện với người đàn ông khác, từ đó tôi nghi ngờ chị N. Bản thân tôi xin hứa sẽ từ bỏ những lỗi lầm trước đây, hiện nay tôi vẫn còn tình cảm với chị N và muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy các con cho tốt.

- Về con chung**:** Có hai con chung như chị N trình bày là đúng. Nay tôi yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu chị N cấp dưỡng, riêng cháu T tôi thống nhất giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu là tôi không đồng ý.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị Hoài N khởi kiện anh Lê Trọng Hoàng K, cư trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc:“ Xin ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Hoài N và anh Lê Trọng Hoàng K tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị N khai nguyên

nhân mâu thuẫn là do anh K không lo làm ăn, hay ăn nhậu, cờ bạc, dẫn đến nợ nần rất nhiều và sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, nên yêu cầu xin ly hôn với anh K; Tại phiên tòa, bị đơn anh K trình bày và thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như chị K trình bày là đúng, tuy nhiên anh K hứa sẽ từ bỏ những thói hư, tật xấu, hiện tại vẫn còn tình cảm với chị N và xin được đoàn tụ gia đình. HĐXX nhận định: Qúa trình chung sống chị N và anh K có xảy ra mâu thuẫn, cả hai đều thừa nhận về nguyên nhân là đúng thực tế. Tuy nhiên, bản thân anh K không chí thú làm ăn, hay ăn nhậu, cờ bạc, nợ nần rất nhiều làm ảnh hưởng lớn đến kinh tế và cuộc sống gia đình, từ đó vợ chồng sống ly thân từ 6/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai; anh K xin được đoàn tụ nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng, làm mất niềm tin của chị N. Cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Đặng Hoàng K – sinh ngày 29/5/2013 và Lê Đặng Bảo T – sinh ngày 06/10/2016 lâu nay do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị N yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu K và T, đồng thời yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng x 2 cháu = 3.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020; Anh K cũng yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu chị N cấp dưỡng, riêng cháu T anh K thống nhất giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị N anh K không đồng ý. HĐXX xét thấy các cháu K và T lâu nay do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm mẹ con gắn bó, tại bản tự khai lập ngày 18/02/2020 và tại phiên tòa cháu trình bày và có nguyện vọng xin được ở với mẹ Đặng Thị Hoài N, do đó để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu, cần giao các cháu K và T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị N, xét thấy anh K hiện nay đang làm nghề biển, và nghề xây dựng thu nhập bình quân mỗi tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Xét mức thu nhập của anh K rất cao và ổn định đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con, do đó cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị N, buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cháu K mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020; và có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu T mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020 là đúng quy định pháp luật và khả năng thu nhập thực tế của anh K.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài N phải chịu án phí HNGĐ- ST theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh K phải chịu án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Đặng Thị Hoài N được ly hôn với anh Lê Trọng Hoàng K.

- Về con chung: Nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Lê Đặng Hoàng K – sinh ngày 29/5/2013 và Lê Đặng Bảo T – sinh ngày 06/10/2016. Buộc bị đơn anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cháu Lê Đặng Hoàng K mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020; và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Đặng Bảo T mỗi tháng là 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020, cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài N phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ – ST, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 011836 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Buộc bị đơn anh Lê Trọng Hoàng K phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình